TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HS-ST
Ngày: 25-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bào
2. Ông Lê Văn Đô

-***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

1.Họ và tên bị cáo: **Nguyễn Quang K,** sinh năm 1975; Giới tính: Nam;
Tên gọi khác: Không;

Nơi đăng ký thường trú: tổ 19, ấp 2, xã L, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện tại: tổ dân phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Con ông: Nguyễn Văn Chiều, sinh năm 1952; Con bà: Nguyễn Thị Oanh, sinh năm 1954; Vợ: Ngô Thị Th, sinh năm 1992; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2018; Gia đình có 02 anh, em ruột, bị cáo là con cả; Tiền án: Bản án số 58 ngày 27/4/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 7 năm tù về tội Cố ý gây thương tích (bị can chưa thi hành nghĩa vụ án phí hình sự sơ thẩm);Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 458 ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã Đông Lỗ, huyện H về hành vi gây rối, cản trở hoạt động bình thường của UBND xã, nộp phạt ngày 12/12/2022. Nhân thân: Bản án số 03 ngày 03/3/1998 Tòa án nhân huyện H xử 48 tháng tù về tội Cướp tài sản của công dân; Bản án số 04 ngày 16/3/2004 Tòa án nhân dân huyện H xử 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Bản án số 34 ngày 28/5/2013 Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng xử 02 năm 03 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2015; chấp hành xong án phí ngày 31/7/2013.

Bị cáo bị giữ, bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/11/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H.**(Có mặt tại phiên tòa)**

2.2. Người bị hại:

Bà Tạ Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang

2.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Chị Ngô Thị Th, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện H bắt, khởi tố, tạm giam Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn Hiếu, sinh năm 1993 cùng ở thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang về tội Cưỡng đoạt tài sản. Sau khi Minh và Hiếu bị bắt, chị Tạ Thị H, sinh năm 1977 (là mẹ đẻ của Nguyễn Văn Minh) và anh Nguyễn Văn Hạnh, sinh năm 1984 (là anh rể của Nguyễn Văn Hiếu) đã tìm người để nhờ xin cho Minh, Hiếu được tại ngoại. Anh Hạnh nói chuyện với anh Nguyễn Văn Đoàn, sinh năm 1964 là người cùng thôn thì anh Đoàn bảo có biết Nguyễn Quang K, sinh năm 1975, nơi đăng ký thường trú: tổ 19, ấp 2, xã L, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh, hiện ở tổ dân phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang là người có quan hệ rộng, có thể xin cho Minh, Hiếu tại ngoại. Anh Hạnh nhờ anh Đoàn đưa đến nhà Kiều để nhờ Kiều thì Kiều nói sẽ giúp được cho Minh, Hiếu tại ngoại với chi phí là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Anh Hạnh và chị Hiền thống nhất chị Hiền là người đứng ra đưa tiền cho Kiều. Tối ngày 05/01/2022, anh Đoàn đưa chị Hiền, anh Hạnh và anh Tạ Hữu Công, sinh năm 1993 ở thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang (là người chị Hiền vay tiền và nhờ đi cùng để chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho Kiều). Khi đến nhà Kiều chỉ có Kiều ở nhà, chị Hiền nói sự việc Minh, Hiếu bị Công an bắt và muốn nhờ Kiều giúp xin cho Minh, Hiếu tại ngoại. Mặc dù Kiều biết bản thân không có chức năng, nhiệm vụ và không quen biết ai có thể giúp được nhưng do muốn chiếm đoạt tiền của chị Hiền nên Kiều đã trả lời chị Hiền là sẽ giúp được Minh, Hiếu tại ngoại. Để tạo lòng tin cho chị Hiền, Kiều nói mình có hiểu biết pháp luật, có mối quan hệ rộng và khẳng định với chị Hiền là chắc chắn Minh, Hiếu được tại ngoại nên chị Hiền đã tin tưởng và đồng ý đưa tiền cho Kiều. Khi chị Hiền và Kiều trao đổi với nhau thì anh Công, anh Đoàn và anh Hạnh đều có mặt chứng kiến. Sau thống nhất, Kiều đọc số tài khoản của mình và chị Hiền nhờ anh Công chuyển khoản tiền từ tài khoản ngân hàng của anh Công cho Kiều với số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng). Sau khi tài khoản của Kiều nhận được số tiền 160.000.000 đồng, chị Hiền đưa trực tiếp cho Kiều số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), tổng là 250.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Kiều đã sử dụng chi tiêu cá nhân. Do chờ nhiều ngày không thấy Minh, Hiếu được tại ngoại nên chị Hiền đã đòi nhiều lần nhưng Kiều không trả đủ tiền cho chị Hiền. Đến ngày 14/11/2022, chị Hiền có đơn trình báo đến

Công an huyện H đồng thời giao nộp 01 đĩa DVD có chứa file ghi âm cuộc trao đổi giữa chị Hiền và Kiều khi giao tiền để xin cho Minh và Hiếu tại ngoại.

Ngày 15/11/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Quang K và thu giữ 01 chiếc điện thoại Iphone 11 promax X màu trắng. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Kiều thu giữ 01 đầu thu có chữ Gahua trên đầu thu ở mặt trước, mặt sau có chữ dập nổi HDD SCRCEW.

Tại Kết luận giám định số 223/KL- KTHS ngày 06/12/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã dịch thành văn bản nội dung cuộc hội thoại có trong file ghi âm được lưu trữ trong 01 (một) đĩa DVD-R nhãn hiệu Maxell do chị Hiền cung cấp.

Ngày 16/11/2022, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện H cung cấp bản sổ phụ số tài khoản 2505205409735 mang tên Nguyễn Quang K thể hiện ngày 05/01/2022, Kiều nhận số tiền 160.000.000 đồng từ tài khoản của anh Tạ Hữu Công.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Quang K khai nhận hành vi phạm tội của mình.

*Tại Bản cáo trạng số 37/CT-VKS -HH ngày 10/4/2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Quang K về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Quang K thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thương có mặt, không yêu cầu bị cáo phải trả cho chị số tiền mà chị bỏ ra trả thay cho bị cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Quang K và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 - Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang K từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (15/11/2022)

-Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1 -Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 -Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

-Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax X màu trắng, số IMEI 1: 352868112212471; số IMEI 2: 352868112135607 (đã niêm phong)

-Trả lại cho bị cáo 01 đầu thu có chữ Gahua trên đầu thu ở mặt trước, mặt sau có chữ dập nổi HDDSCREW, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

-Hình phạt bổ sung: Không.

-Về trách nhiệm dân sự: Không có

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Ngoài ra quyền kháng cáo đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa người bị hại, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra và truy tố đã có lời khai và đã lấy lại tài sản đã mất, nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo Nguyễn Quang K tại phiên tòa hôm nay phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ, Hội đồng xét xử xét thấy, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 05/01/2022, tại tổ dân phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Quang K đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) của chị Tạ Thị H, sinh năm 1977 ở thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Kiều đã có hành vi gian rối đưa ra thông tin giả danh là người có thể giúp được và tạo niềm tin của những người bị hại có nhu cầu để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Do đó, với hành vi như trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a, khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Quang K theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về vai trò và tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ việc lợi dụng lòng tin của người khác nên bị cáo đã có hành vi gian dối đưa thông tin không đúng sự thật có thể giúp được trong việc xin tại ngoại và xin án treo trong khi bị cáo không có chức năng giúp được để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản mục đích để chi tiêu cá nhân. Ngoài ra, còn làm ảnh hưởng đến uy tín, niềm tin của người dân vào các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị cáo trước đó đã bị xét xử về các tội xâm phạm sở hữu và các tội khác, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài

học, mà tiếp tục phạm tội. Xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo Nguyễn Quang K và gia đình đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục trả lại tài sản cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự, có bố đẻ trong quá trình công tác được nhà nước tặng huân chương khác chiến hạng nhất do Công ty cổ phần công trình 6 xác nhận, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử thấy cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

-Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Quang K có nhân thân xấu

-Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Quang K có 01 tiền án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm nguy hiểm"quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không có

[8] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã lấy lại được tài sản do bị cáo đã khắc phục, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

-Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax X màu trắng, số IMEI 1: 352868112212471; số IMEI 2: 352868112135607 (đã niêm phong)

-Trả lại cho bị cáo 01 đầu thu có chữ Gahua trên đầu thu ở mặt trước, mặt sau có chữ dập nổi HDDSCREW, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[10] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Quang K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và quy định tại Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền kháng cáo theo Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 - Bộ luật hình sự;

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang K 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (15/11/2022)

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

-Tịch thu sung công 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax X màu trắng, số IMEI 1: 352868112212471; số IMEI 2: 352868112135607 (đã niêm phong)

-Trả lại cho bị cáo 01 đầu thu có chữ Gahua trên đầu thu ở mặt trước, mặt sau có chữ dập nổi HDDSCREW, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

3.Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Bị cáo Nguyễn Quang K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

5.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự